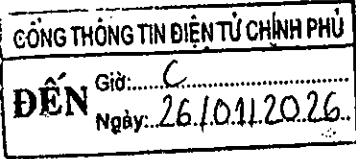


TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và Quyết định số 24/2025/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 40

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

(Kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg

ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về phạm vi, nguyên tắc, phân cấp mức độ sự cố tràn dầu; công tác chuẩn bị ứng phó sự cố tràn dầu; công tác tổ chức ứng phó, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân đối với sự cố tràn dầu trên lãnh thổ và các vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài có hoạt động liên quan trực tiếp hay gián tiếp gây ra sự cố tràn dầu và thực hiện hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên lãnh thổ và các vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dầu bao gồm:

a) Dầu thô là dầu từ các mỏ khai thác chưa qua chế biến, là hydrocarbon ở thể lỏng trong trạng thái tự nhiên, asphalt, ozokerite và hydrocarbon lỏng thu được từ khí thiên nhiên bằng phương pháp ngưng tụ hoặc chiết xuất;

b) Dầu thành phẩm là các loại dầu mỏ đã qua chế biến như xăng, dầu hỏa, diesel, nhiên liệu bay, nhiên liệu sinh học, nhiên liệu làm chất đốt, các loại dầu, mỡ bôi trơn, bảo quản và các sản phẩm để chế biến xăng dầu, mỡ.

2. Sự cố tràn dầu là hiện tượng dầu thoát ra ngoài môi trường tự nhiên do sự cố kỹ thuật, thiên tai hoặc do con người gây ra.

3. Sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng là sự cố tràn dầu xảy ra với khối lượng lớn dầu tràn ra trên diện rộng, liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản, môi trường và đời sống, sức khỏe của nhân dân.

4. Ứng phó sự cố tràn dầu là các hoạt động sử dụng lực lượng, phương tiện, thiết bị, vật tư nhằm xử lý kịp thời, loại trừ hoặc hạn chế tối đa nguồn dầu tràn ra môi trường.

5. Khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu là các hoạt động nhằm làm sạch đất, nước, hệ sinh thái khu vực bị nhiễm dầu và các biện pháp hạn chế thiệt hại, phục hồi môi sinh, môi trường sau sự cố tràn dầu.

6. Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu là tất cả các hoạt động từ việc chuẩn bị, ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu.

7. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu là dự kiến các nguy cơ, tình huống sự cố có khả năng xảy ra tràn dầu cùng các phương án ứng phó trong tình huống dự kiến đó, các chương trình huấn luyện, diễn tập để bảo đảm sự sẵn sàng các nguồn lực kịp thời ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra trên thực tế.

8. Hiện trường ứng phó sự cố tràn dầu là khu vực triển khai các hoạt động ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu.

9. Chỉ huy hiện trường là người được phân công hoặc được chỉ định trực tiếp chỉ huy mọi hoạt động ứng phó tại nơi xảy ra sự cố tràn dầu. Cơ quan chủ trì ứng phó sự cố có thẩm quyền quyết định Chỉ huy hiện trường; quyền hạn và trách nhiệm của chỉ huy hiện trường được quy định cụ thể trong kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của từng cơ sở, địa phương, đơn vị.

10. Cơ sở là các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hoạt động về khai thác, vận chuyển, chuyển tải, lưu trữ, kinh doanh, sử dụng dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu.

11. Chủ cơ sở là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá nhân hoặc quản lý các nhà thầu chịu trách nhiệm toàn bộ về pháp lý đối với các hoạt động của cơ sở, dự án.

12. Cơ quan chủ trì ứng phó sự cố tràn dầu là cơ quan tổ chức các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

13. Đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu là các tổ chức có trang, thiết bị, vật tư ứng phó sự cố tràn dầu và nhân lực được huấn luyện, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để tiến hành hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

14. Dự án là dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở, cảng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

15. Khu vực ưu tiên bảo vệ là khu vực có độ nhạy cảm về môi trường hoặc kinh tế xã hội, cần ưu tiên bảo vệ khi xảy ra sự cố tràn dầu như rừng ngập mặn, dải san hô, khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển, điểm nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, trung tâm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

16. Khu vực hạn chế hoạt động là khu vực được xác lập bởi các tọa độ trên hải đồ trên biển hoặc bằng các ranh giới, địa giới cụ thể trên bờ, ven biển để cảnh báo, hạn chế sự đi lại trong khu vực để bảo đảm an toàn khi tiến hành cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu.

17. Bên gây ra tràn dầu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào gây ra tràn dầu làm ô nhiễm môi trường.

18. Đầu mối liên lạc quốc gia về sự cố tràn dầu là Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia thông qua Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm nhận, chuyển phát và xử lý các báo cáo khẩn cấp về các sự cố liên quan đến tràn dầu trên lãnh thổ và các vùng biển Việt Nam.

19. DWT là trọng tải của tàu, là sức chở lớn nhất được phép của tàu được tính bằng tấn.

Điều 4. Nguyên tắc trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

1. Tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, đầu tư trang thiết bị, các phương án hợp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu.

2. Tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin sự cố tràn dầu kịp thời, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó.

3. Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường.

4. Chủ động ứng phó gần nguồn dầu tràn để ngăn chặn, hạn chế dầu tràn ra môi trường. Giám sát chặt chẽ nguy cơ lan tỏa dầu tràn vào đường bờ để xác định thứ tự ưu tiên và tiến hành các biện pháp bảo vệ các khu vực ưu tiên bảo vệ.

5. Bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ trong ứng phó.

6. Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

7. Bên gây ra ô nhiễm tràn dầu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tràn dầu gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân cấp ứng phó sự cố tràn dầu

Căn cứ vào mức độ sự cố tràn dầu, việc tổ chức, thực hiện ứng phó được tiến hành ở 3 cấp sau đây:

1. Cấp cơ sở

a) Sự cố tràn dầu xảy ra ở cơ sở: Chủ cơ sở tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để tổ chức, triển khai ứng phó kịp thời, hiệu quả. Chủ cơ sở xảy ra sự cố tràn dầu chịu trách nhiệm chỉ huy hiện trường;

b) Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng nguồn lực ứng phó của cơ sở, chủ cơ sở báo cáo cơ quan chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức ứng phó, đồng thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) để được trợ giúp;

c) Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu nghiêm trọng hoặc sự cố tràn dầu xảy ra trong khu vực ưu tiên bảo vệ, Cấp trưởng các cơ quan, đơn vị là chỉ huy hiện trường, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo, kịp thời ứng phó.

2. Cấp tỉnh

a) Sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở hoặc sự cố tràn dầu xảy ra chưa rõ nguyên nhân tại các địa phương, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố có trách nhiệm trực tiếp chủ trì, ứng phó và chỉ định người chỉ huy hiện trường để tổ chức ứng phó theo kế hoạch của địa phương, đồng thời được phép huy động khẩn cấp nguồn lực cần thiết của các cơ sở, các bộ, ngành đứng trên địa bàn, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực để tổ chức ứng phó;

b) Đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

3. Cấp quốc gia

a) Trường hợp sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng vượt quá khả năng của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố tràn dầu kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để trực tiếp chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức ứng phó;

b) Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong nước, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc yêu cầu trợ giúp quốc tế.

4. Trong quá trình tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu ở các cấp quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, cơ quan chủ trì hoặc chỉ huy hiện trường chủ động xử lý, báo cáo kịp thời diễn biến sự cố, đề xuất các kiến nghị cần thiết đến cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

Điều 6. Phân loại mức độ sự cố tràn dầu

1. Sự cố tràn dầu được phân theo số lượng dầu tràn ở 3 mức từ nhỏ, trung bình đến lớn. Cụ thể:

a) Sự cố tràn dầu nhỏ (mức nhỏ) là sự cố tràn dầu có lượng dầu tràn dưới 20 m^3 (tấn);

b) Sự cố tràn dầu trung bình (mức trung bình) là sự cố tràn dầu có lượng dầu tràn từ 20 m^3 (tấn) đến 500 m^3 (tấn);

c) Sự cố tràn dầu lớn (mức lớn) là sự cố tràn dầu có lượng dầu tràn lớn hơn 500 m^3 (tấn).

2. Việc phân loại mức độ sự cố tràn dầu để xây dựng kế hoạch ứng phó và xác định mức độ đầu tư trang, thiết bị, nguồn lực để chuẩn bị sẵn sàng, ứng phó kịp thời đối với các cấp độ ứng phó khác nhau.

Chương II CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 7. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu các cấp

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện kế hoạch; hướng dẫn địa phương, cơ sở xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (theo mẫu quy định tại các Phụ lục I, II ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh và tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành; Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp xã và tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương được cập nhật định kỳ hàng năm và ban hành lại 05 năm một lần.

3. Các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định và phê duyệt. Khi có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thì phải cập nhật định kỳ hàng năm; khi có thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa, vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong kế hoạch, phải lập lại kế hoạch trình cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt.

4. Các cơ sở, dự án dầu khí ngoài khơi xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, gửi Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thẩm định, trình Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia phê duyệt; sau khi được phê duyệt, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam gửi kế hoạch đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có nguy cơ bị ảnh hưởng khi xảy ra sự cố để phối hợp thực hiện.

5. Đối với các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m³ trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (các kho xăng dầu gắn liền với cảng xăng dầu thì xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu chung cho kho, cảng), trình Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tổ chức thẩm định và phê duyệt; đối với Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ lớn hơn hoặc bằng 50.000 m³, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT thuộc sở hữu hoặc quản lý bởi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thì do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tổ chức thẩm định, trình Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia phê duyệt; sau khi được phê duyệt, Tập đoàn gửi kế hoạch đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan để phối hợp thực hiện.

6. Đối với các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m³ đến dưới 50.000 m³, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (các kho xăng dầu gắn liền với cảng xăng dầu thì xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu chung cho kho, cảng), trình cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định và phê duyệt; đối với Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m³ đến dưới 50.000 m³; các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT thuộc sở hữu hoặc quản lý bởi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thì do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tổ chức thẩm định, trình cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ phê duyệt (trên cơ sở kết quả thẩm định của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, cơ quan chuyên môn của tỉnh tổ chức phê duyệt).

7. Đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m³) xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và phê duyệt; đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc quản lý bởi Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thì do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hoặc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam tổ chức thẩm định và phê duyệt; sau khi được phê duyệt, Tập đoàn gửi kế hoạch đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh để phối hợp thực hiện.

8. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực xây dựng kế hoạch huy động trang, thiết bị, vật tư để sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực được phân công, trình Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia phê duyệt.

9. Các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 trở lên, các tàu khác không phải tàu chở dầu có tổng dung tích từ 400 trở lên, có kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt; các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 trở lên tham gia vào việc chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển có kế hoạch chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển trình cơ quan chuyên môn được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định và phê duyệt.

Điều 8. Thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan thẩm định về nội dung, phương pháp tổ chức thẩm định (trực tiếp hay trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản); chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai giữa các thành viên hội đồng thẩm định, giữa hội đồng thẩm định với chủ dự án, cơ sở theo hình thức phiên họp chuyên đề, do Chủ tịch hội đồng thẩm định quyết định trong trường hợp cần thiết.

3. Phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có sự tham gia tại phiên họp từ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên Hội đồng thẩm định trở lên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền, ủy viên thư ký. Thành viên hội đồng thẩm định vắng mặt gửi bản nhận xét trước phiên họp chính thức của hội đồng và được coi là ý kiến của thành viên tham dự phiên họp chính thức của hội đồng;

b) Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án, cơ sở.

4. Kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Khi tất cả thành viên hội đồng thẩm định tham dự phiên họp có phiếu thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

b) Không thông qua: Khi có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định không thông qua;

c) Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này.

5. Số lượng thành viên hội đồng thẩm định: Do Thủ trưởng cơ quan chủ trì thẩm định quy định, thành viên hội đồng thẩm định là cán bộ đại diện các cơ quan liên quan có chuyên môn, kinh nghiệm về công tác ứng phó sự cố tràn dầu, được Thủ trưởng cơ quan quản lý cử đại diện tham gia hội đồng theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chủ trì thẩm định.

6. Văn bản đề nghị thẩm định, quyết định thành lập hội đồng, biên bản họp của hội đồng, thông báo kết quả thẩm định, Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu qua hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia; dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định và phê duyệt để tiếp nhận hồ sơ; trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, ngày nhận hồ sơ là ngày dịch vụ bưu chính chuyển cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu:

a) Đối với kế hoạch do Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia thẩm định và phê duyệt, gồm:

Văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

Hồ sơ gửi qua hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Đối với kế hoạch do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thẩm định và phê duyệt, gồm:

Văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

Hồ sơ gửi qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ thẩm định và phê duyệt.

c) Đối với kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt, gồm:

Văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

Hồ sơ gửi qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã để thẩm định và phê duyệt.

3. Thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

a) Đối với kế hoạch do Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia thẩm định và phê duyệt, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

b) Đối với kế hoạch do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thẩm định và phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;

c) Đối với kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

d) Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu chưa đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn bằng văn bản gửi cơ quan đề nghị để bổ sung hồ sơ.

Điều 10. Xây dựng lực lượng ứng phó sự cố tràn dầu các cấp

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thiết lập chương trình và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập để nâng cao hiệu quả phối hợp ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu cấp quốc gia tại Việt Nam.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu chuyên ngành cho cấp khu vực và quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ trì, xây dựng và tổ chức các khóa tập huấn, huấn luyện, diễn tập để nâng cao hiệu quả ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp xã làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và tác hại của sự cố tràn dầu đối với con người và môi trường.

4. Các Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam do cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia điều hành trong lĩnh vực hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, các đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu bảo đảm cho cán bộ, nhân viên được đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng khả năng sẵn sàng triển khai các hoạt động ứng phó khẩn cấp khi xảy ra sự cố. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thực hiện tập huấn, huấn luyện, cấp chứng chỉ cho học viên tham gia sau mỗi đợt tập huấn, huấn luyện; tổ chức diễn tập theo kế hoạch đã được Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia phê duyệt.

5. Các cơ sở, cảng, dự án trên đất liền, trên sông, ven bờ biển sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động kịp thời lực lượng, phương tiện triển khai quây chặn, khống chế được dầu tràn trong thời gian tối đa 02 giờ đối với sự cố tràn dầu có khối lượng dầu tràn dưới 20 m^3 (sử dụng lực lượng phương tiện tại chỗ); trong thời gian tối đa 12 giờ đối với sự cố có khối lượng dầu tràn từ 20 m^3 đến 500 m^3 và trong thời gian tối đa 15 giờ đối với sự cố có khối lượng dầu tràn trên 500 m^3 (sử dụng lực lượng phương tiện của đơn vị chuyên trách cùng tham gia ứng phó).

6. Các cơ sở, dự án ngoài khơi sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; huy động kịp thời lực lượng, phương tiện triển khai quây chặn, khống chế được dầu tràn trong thời gian 02 giờ đối với sự cố tràn dầu có khối lượng dầu tràn dưới 20 m^3 (sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ); trong thời gian tối đa 24 giờ đối với sự cố tràn dầu có khối lượng từ 20 m^3 đến 500 m^3 và trong thời gian tối đa 48 giờ đối với sự cố tràn dầu có khối lượng trên 500 m^3 (sử dụng lực lượng phương tiện của đơn vị chuyên trách cùng tham gia ứng phó).

Điều 11. Bảo đảm tài chính để bồi thường thiệt hại ô nhiễm dầu đối với tàu chở dầu

1. Chủ các tàu biển Việt Nam và tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài vận chuyển trên 2.000 tấn dạng thô phải có Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất dầu năm 1992 (gọi tắt Công ước CLC 1992).

2. Chủ các tàu biển Việt Nam có tổng dung tích trên 1.000 hoạt động tuyến quốc tế có Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất dầu nhiên liệu 2001 (gọi tắt Công ước Bunker 2001).

Điều 12. Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu các cấp

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được ban hành và chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, dự án thuộc địa bàn quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được ban hành và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, dự án thuộc địa bàn quản lý.

4. Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, dự án dầu khí ngoài khơi thuộc thẩm quyền.

5. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của địa phương, kiểm tra thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở tại địa phương trong khu vực.

6. Cơ sở thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt.

7. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, cơ quan quản lý đường thủy nội địa chủ trì kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng và các tàu hoạt động trong vùng nước cảng biển, đường thủy nội địa do cảng vụ quản lý.

Điều 13. Tổ chức giám sát sự cố tràn dầu

1. Việc giám sát, phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu và tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu, được thực hiện thông qua các hoạt động: Giám sát trực tiếp tại tàu, cảng, cơ sở; giám sát của các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên đất liền, trên sông, trên biển và bằng tàu bay; thiết bị bay không người lái; giám sát thông qua hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống ra đa quan trắc môi trường biển và hệ thống viễn thám; tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu do các tổ chức, cá nhân cung cấp.

2. Các cảng, cơ sở tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ tràn dầu, trong địa bàn hoạt động của mình để kịp thời triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó phù hợp.

3. Tàu dầu tiến hành chuyển tải, sang mạn tàu khác trên vùng biển Việt Nam phải thông báo ít nhất trước 48 giờ kế hoạch chuyển tải, sang mạn cho Dầu mỗi liên lạc quốc gia hoặc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa gần nhất về thời gian, vị trí và khối lượng dầu sẽ tiến hành chuyển tải, sang mạn theo quy định để các cơ quan có thẩm quyền giám sát và có biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu. Chỉ được phép thực hiện việc chuyển tải, sang mạn khi được sự đồng ý của Dầu mỗi liên lạc quốc gia hoặc Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa.

Chương III

TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Mục 1

PHỐI HỢP VỀ THÔNG TIN TRONG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 14. Dầu mỗi tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu

1. Các tổ chức, cá nhân để xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu, có trách nhiệm thông báo kịp thời đến một trong các cơ quan sau đây:

- a) Dầu mỗi liên lạc quốc gia về sự cố tràn dầu;
- b) Dầu số điện thoại 112;
- c) Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa gần nhất;
- d) Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực;

đ) Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực trong trường hợp yêu cầu cứu hộ, cứu nạn trên biển;

e) Các đài thông tin duyên hải Việt Nam để chuyển tiếp thông tin về cơ quan chủ trì, ứng phó hoặc cơ quan cứu hộ, cứu nạn;

g) Sở Nông nghiệp và Môi trường;

h) Chính quyền địa phương nơi gần nhất;

i) Cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn của các bộ, ngành và địa phương liên quan.

2. Tàu bay phát hiện vết dầu trên biển, thông báo về cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn để chuyển tiếp thông tin về cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngoài các đầu mối trên, khi để xảy ra tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu có thể thông tin đến các đơn vị Hải quân, Cảnh sát biển, Cảnh sát giao thông đường thủy để xử lý hoặc chuyển tiếp thông tin về cơ quan chủ trì ứng phó.

4. Xử lý thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu.

Khi nhận được thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu, cơ quan chủ trì ứng phó có trách nhiệm:

a) Đánh giá tính xác thực của thông tin về sự cố;

b) Sơ bộ đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả của sự cố tràn dầu;

c) Triển khai phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp với tình huống;

d) Thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan về biện pháp, kế hoạch ứng phó hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị chuyên trách để triển khai ứng phó;

đ) Thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trong khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, về sự cố tràn dầu để chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố;

e) Báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình xử lý thông tin và các biện pháp, triển khai phối hợp, ứng phó cụ thể và các đề xuất, kiến nghị.

Điều 15. Công tác báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu

1. Trong quá trình ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác báo cáo theo phân cấp đã quy định.

2. Báo cáo sự cố tràn dầu được thực hiện liên tục, từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, nội dung báo cáo gồm:

a) Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu: Thực hiện khi phát hiện về sự cố tràn dầu;

b) Báo cáo sự cố tràn dầu tiếp theo: Thực hiện hàng ngày trong quá trình ứng phó, khắc phục sự cố;

c) Báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu: Thực hiện khi kết thúc các hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố;

d) Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu: Tổng hợp tình hình, kết quả ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

3. Nội dung tổng hợp, báo cáo sự cố tràn dầu gồm:

a) Thời gian xảy ra hoặc phát hiện sự cố;

b) Vị trí sự cố, tọa độ (nếu có);

c) Điều kiện thời tiết (sóng, gió, dòng chảy...);

d) Loại dầu;

đ) Ước tính khối lượng và tốc độ dầu tràn;

e) Công tác chuẩn bị ứng phó và dự kiến phương án triển khai;

g) Các yêu cầu, đề nghị trợ giúp, cứu hộ, ứng phó sự cố tràn dầu;

h) Tổng hợp kết quả ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố.

Mục 2

ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP CƠ SỞ

Điều 16. Ứng phó sự cố tràn dầu do tàu gây ra trên biển

1. Trong trường hợp do tai nạn, sự cố của tàu gây ra tràn dầu liên quan đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn người, tàu gặp nạn và ứng phó sự cố tràn dầu, việc tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu, cứu hộ, cứu nạn theo các tình huống sau:

a) Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực hoặc các đơn vị cứu hộ, cứu nạn hàng hải thực hiện hợp đồng dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu theo đề nghị của thuyền trưởng, chủ tàu hoặc người đại diện, đại lý của chủ tàu;

b) Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực phối hợp với Trung tâm Phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực để tiến hành đồng thời các hoạt động cứu hộ, cứu nạn người và tàu gặp nạn;

c) Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực hoặc các đơn vị cứu hộ, cứu nạn hàng hải có trách nhiệm phối hợp khi được Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động tham gia ứng phó.

2. Trong trường hợp chỉ có các đơn vị cứu hộ, cứu nạn hàng hải tham gia ứng phó ngoài khơi thì đơn vị nào có năng lực và kinh nghiệm ứng phó hơn sẽ được cơ quan có thẩm quyền chỉ định làm chỉ huy hiện trường. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực làm chỉ huy hiện trường trong trường hợp được điều động tham gia ứng phó.

3. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa khẩn trương điều động tàu, phương tiện tham gia cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát hoạt động cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu trên sông, trên biển.

4. Trường hợp sự cố tràn dầu do nhiều tàu gây ra, các tàu phối hợp với nhau cùng khắc phục hậu quả và phải chấp hành sự chỉ đạo của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa và chỉ huy hiện trường.

5. Trường hợp dầu tràn có nguy cơ lan vào bờ, chỉ huy hiện trường báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ven biển có khả năng bị ảnh hưởng biết để tổ chức giám sát và chuẩn bị ứng phó.

6. Trường hợp dầu tràn trên diện rộng và khó có khả năng bao quát toàn bộ hiện trường, chỉ huy hiện trường và cơ quan chủ trì ứng phó kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để huy động lực lượng hỗ trợ, giám sát dầu tràn thông qua các hình thức như: Giám sát bằng ra đa, bằng công nghệ viễn thám hoặc giám sát bằng tàu bay..., phát thông báo hàng hải đề nghị cung cấp thông tin.

7. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa và các cơ quan liên quan điều tàu tham gia cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu một cách nhanh chóng; các chủ tàu phải tuân thủ chấp hành khi có lệnh điều động của các cơ quan có thẩm quyền hoặc có yêu cầu cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu.

8. Có thể tiến hành tạm giữ dầu thu gom để tái sử dụng và bắt giữ tàu gây tràn dầu bảo đảm bồi thường.

9. Việc yêu cầu chủ tàu và bảo hiểm của chủ tàu gây ô nhiễm phải được tiến hành khẩn trương, bảo đảm bồi thường mức giới hạn trách nhiệm dân sự theo quy định.

10. Chỉ huy hiện trường và cơ quan, đơn vị chủ trì ứng phó thực hiện các quy định thông tin, báo cáo về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo và hỗ trợ khi cần thiết.

Điều 17. Ứng phó sự cố tràn dầu tại cơ sở, dự án

1. Cơ sở, dự án xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng, phương tiện bảo đảm phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do cơ sở, dự án gây ra.

2. Trong trường hợp tiềm lực và khả năng bị hạn chế, cơ sở hợp đồng với các đơn vị có khả năng ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực hoặc với Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực để hỗ trợ, ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra.

3. Cơ sở, dự án thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra.

4. Trường hợp xét thấy cơ sở ứng phó không hiệu quả hoặc sự cố tràn dầu có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp hoặc chỉ định chỉ huy hiện trường để tổ chức ứng phó.

5. Khi xảy ra sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, dự án. Chủ cơ sở, dự án báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố tràn dầu; Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan chủ trì báo cáo tình hình sự cố cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để triển khai phương án ứng phó theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chủ trì và chỉ định chỉ huy hiện trường để tổ chức ứng phó.

Điều 18. Ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực cảng

1. Các cảng xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kịp thời, hiệu quả.

2. Trong trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng của cảng, phải hợp đồng với các đơn vị chuyên trách ứng phó sự cố tràn dầu hoặc với Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực để tham gia ứng phó sự cố.

3. Cảng vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tại địa phương, tiến hành giám sát, đánh giá tình hình và có phương án ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu kịp thời, hiệu quả.

4. Trường hợp xét thấy cảng ứng phó không hiệu quả hoặc sự cố tràn dầu có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng, Cảng vụ kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó.

5. Cảng vụ có thể tạm giữ, bảo quản dầu do thu gom được để tái sử dụng hoặc bảo đảm bồi thường, chi phí thiệt hại do dầu tràn gây ra. Việc bàn giao số dầu thu gom, căn cứ vào số tiền được bồi thường hoặc cam kết bồi thường, để thống nhất với chủ tàu.

6. Trường hợp chủ tàu gây ra sự cố tràn dầu không có khả năng bảo đảm bồi thường, Giám đốc Cảng vụ, các cơ quan có thẩm quyền hoặc lực lượng tham gia ứng phó làm thủ tục gửi Tòa án có thẩm quyền, quyết định; đề nghị cơ quan chức năng bắt giữ tàu, bảo đảm bồi thường chi phí thiệt hại và tổn thất do sự cố tràn dầu gây ra.

7. Ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực cảng quân sự, cảng thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này.

8. Đối với các tàu quân sự, tàu công vụ, gây ra sự cố tràn dầu không áp dụng quy định tại khoản 5 và khoản 6 của Điều này.

Mục 3 **ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP KHU VỰC**

Điều 19. Ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố tràn dầu, có trách nhiệm trực tiếp chủ trì hoặc chỉ định chỉ huy hiện trường, tổ chức ứng phó theo kế hoạch ứng phó của tỉnh.

2. Căn cứ tình hình diễn biến của sự cố tràn dầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định chỉ huy hiện trường, huy động nguồn lực cần thiết của các cơ sở, các bộ, ngành đứng trên địa bàn để tổ chức ứng phó.

3. Trường hợp dầu tràn xảy ra trên địa bàn của tỉnh, thành phố có nguy cơ hoặc lan sang địa bàn tỉnh khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi xảy ra sự cố tràn dầu chủ động thông báo cho Ủy ban nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng để phối hợp ứng phó, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chuẩn bị phương án hỗ trợ khi cần thiết.

Điều 20. Nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh chủ trì tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu theo kế hoạch ứng phó của tỉnh và huy động lực lượng, phương tiện của địa phương và của các bộ, ngành trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, hướng dẫn các hoạt động, bảo vệ môi trường trong khắc phục và làm sạch đường bờ, quản lý chất thải nhiễm dầu sau thu gom; có phương án bảo vệ vùng nhạy cảm; điều tra, đánh giá thiệt hại về môi trường và xây dựng kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố; phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân gây ra sự cố tràn dầu.

3. Cảng vụ tham mưu về bảo đảm an toàn hàng hải và giao thông đường thủy trong quá trình huy động tàu, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực.

4. Các sở, ban, ngành của địa phương và các đơn vị quân đội chủ lực, bộ đội địa phương, Cảnh sát giao thông đường thủy, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường đóng quân trên địa bàn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; điều động lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu khi có yêu cầu.

5. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực, Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực, các đơn vị cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu khác tham gia vào kế hoạch ứng phó của tỉnh, có trách nhiệm thực hiện các hoạt động phối hợp cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố tràn dầu khi được huy động.

Mục 4

ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP QUỐC GIA

Điều 21. Ứng phó sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng của cấp khu vực

1. Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của cấp khu vực, xảy ra trên diện rộng mang tính liên vùng hoặc sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, chỉ đạo các hoạt động ứng phó theo kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Ứng phó sự cố tràn dầu trên diện rộng được phân chia theo khu vực ứng phó trên biển và tại các địa phương xảy ra sự cố tràn dầu.

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chủ trì, tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương;

b) Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ định một hoặc nhiều chỉ huy hiện trường trên biển để ứng phó theo từng khu vực, căn cứ tình hình, diễn biến cụ thể của sự cố tràn dầu;

c) Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, chỉ huy mọi hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 22. Phối hợp quốc tế trong ứng phó sự cố tràn dầu tại Việt Nam

1. Trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong nước, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu của nước ngoài trợ giúp.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, thống nhất với cơ quan liên quan, thỏa thuận về yêu cầu hỗ trợ ứng phó.

3. Việc phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu tại Việt Nam thực hiện theo thỏa thuận về yêu cầu hỗ trợ ứng phó được các Bên thống nhất.

4. Việc cấp phép và phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện theo quy định cấp phép và phối hợp hoạt động với lực lượng hỗ trợ ứng phó của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 23. Hỗ trợ các quốc gia khác trong ứng phó sự cố tràn dầu

1. Đối với các quốc gia đã ký kết Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương với Việt Nam về ứng phó sự cố tràn dầu, thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế đã ký kết.

2. Đối với các quốc gia khác, căn cứ theo đề nghị hỗ trợ và khả năng đáp ứng của Việt Nam, để thống nhất thỏa thuận, hỗ trợ với cơ quan đầu mối về ứng phó sự cố tràn dầu của quốc gia đề nghị.

3. Các đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu có trách nhiệm thường xuyên giữ liên lạc, báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về tình hình sự cố và cung cấp đầy đủ tài liệu, hồ sơ phục vụ việc thanh quyết toán.

Mục 5 MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHÁC TRONG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 24. Thông báo về khu vực hạn chế hoạt động

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cứu hộ, cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu, cơ quan chủ trì ứng phó có thể thiết lập khu vực hạn chế hoạt động nhằm ưu tiên cho các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Việc xác định và thông báo khu vực hạn chế hoạt động về khu vực cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của cơ quan chủ trì, ứng phó.

Điều 25. Sử dụng các chất phân tán dầu tràn và chế phẩm sinh học trong ứng phó sự cố tràn dầu

1. Chỉ được sử dụng các chất phân tán dầu tràn được phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chỉ được sử dụng chất phân tán dầu tràn trên biển sau khi xét thấy việc áp dụng các biện pháp thu hồi dầu tràn khác là không phù hợp.

3. Cấm dùng chất phân tán trong khu vực thủy nội địa, cửa sông, ven biển có độ sâu nhỏ hơn 20 m hoặc cách bờ dưới 01 hải lý.

4. Sử dụng các chất phân tán dầu tràn và chế phẩm sinh học không được vượt quá mức cho phép và tuân thủ quy trình, hướng dẫn sử dụng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 26. Phối hợp sử dụng tàu bay tham gia ứng phó sự cố tràn dầu

1. Chỉ huy hiện trường hoặc cơ quan chủ trì ứng phó sự cố tràn dầu báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, đề điều động tàu bay tham gia giám sát hiện trường dầu tràn và rải chất phân tán, chất hấp thụ dầu.

2. Tàu bay tham gia quan trắc, giám sát, rải chất phân tán thông báo kết quả quan trắc, giám sát, rải chất phân tán tại hiện trường về cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu để chuyển tiếp về chỉ huy hiện trường hoặc cơ quan chủ trì ứng phó.

3. Sử dụng tàu bay tham gia ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện theo Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và các quy định có liên quan khác.

Điều 27. Phối hợp bảo đảm an toàn phòng, chống cháy nổ trong ứng phó sự cố tràn dầu

1. Ứng phó sự cố tràn dầu tuân thủ các quy định về an toàn phòng, chống cháy nổ.

2. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham mưu cho chính quyền địa phương về phòng, chống cháy nổ trong các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

3. Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường trực tiếp chỉ huy hoạt động phòng, chống cháy nổ trong ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 28. Tạm dừng và kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

1. Quyết định tạm dừng hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu khi xuất hiện tình huống gây mất an toàn, có nguy cơ xảy ra tiếp các tai nạn, sự cố nghiêm trọng hoặc công tác ứng phó không đem lại hiệu quả.

2. Quyết định tiến hành giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến của sự cố tràn dầu để tiếp tục triển khai khi điều kiện cho phép.

3. Quyết định tiếp tục cho triển khai các hoạt động ứng phó khi loại bỏ được tình huống gây mất an toàn hoặc thấy hoạt động ứng phó đem lại hiệu quả.

4. Quyết định kết thúc các hoạt động ứng phó khi dầu tràn được làm sạch hoặc tiếp tục ứng phó tại hiện trường không đem lại hiệu quả.

5. Căn cứ từng tình huống cụ thể để quyết định việc tạm dừng hoặc tiếp tục triển khai, kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại một, nhiều khu vực hay toàn bộ chiến dịch ứng phó.

6. Chỉ huy hiện trường hoặc cơ quan chủ trì ứng phó sự cố tràn dầu là người ra quyết định tạm dừng hoặc kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và chịu trách nhiệm hoàn toàn với quyết định của mình trước pháp luật; cơ quan Nông nghiệp và Môi trường đánh giá kết quả xử lý, phục hồi môi trường để làm căn cứ ra quyết định tạm dừng hoặc kết thúc các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Chương IV

KHẮC PHỤC VÀ GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Mục 1

ĐIỀU TRA, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 29. Điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu

1. Cơ sở gây ra sự cố tràn dầu thuộc diện quản lý của chuyên ngành nào, thì do cơ quan quản lý chuyên ngành đó, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra.

2. Việc điều tra cơ sở, dự án gây ra sự cố tràn dầu thuộc diện quản lý của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành.

3. Trong quá trình điều tra, nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thì thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự để phối hợp xử lý. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự yêu cầu chuyển giao hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến tai nạn, sự cố gây tràn dầu, phải sao y hoặc phô tô lại để phục vụ việc điều tra chuyên ngành. Việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu, vật chứng phải lập biên bản bàn giao theo quy định.

4. Báo cáo tổng hợp về điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu, gửi Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và địa phương có liên quan. Trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu cơ quan chủ trì điều tra, cung cấp các tài liệu, báo cáo trong quá trình điều tra.

Điều 30. Điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu đối với một số trường hợp đặc thù

1. Điều tra, xác định nguyên nhân tai nạn, sự cố do các tàu gây ra tràn dầu trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam do Giám đốc Cảng vụ hàng hải chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý địa bàn thực hiện.

2. Điều tra, xác định nguyên nhân tai nạn, sự cố do các tàu gây ra tràn dầu trên đường thủy nội địa do cơ quan giao thông đường thủy nội địa phụ trách phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan chức năng tiến hành.

3. Điều tra, xác định nguyên nhân tai nạn, sự cố gây ra tràn dầu tại cơ sở, thuộc trách nhiệm quản lý của bộ, ngành nào thì cơ quan chuyên môn của bộ, ngành đó chủ trì, phối hợp với và các cơ quan liên quan thực hiện.

4. Điều tra, xác định nguyên nhân tai nạn, sự cố gây ra tràn dầu chưa rõ nguyên nhân, thuộc trách nhiệm của tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với và các cơ quan liên quan tại địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

5. Đối với sự cố tràn dầu chưa rõ nguồn gốc, xuất hiện trên diện rộng tại nhiều tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan để tiến hành điều tra, xác định nguyên nhân.

6. Trường hợp sự cố tràn dầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan, chỉ đạo việc điều tra, xác định nguyên nhân.

Điều 31. Tạm giữ tàu để phục vụ điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 114, Điều 115 và Điều 116 Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 81/2025/QH15.

Điều 32. Tạm đình chỉ hoạt động đối với cơ sở để khắc phục tai nạn, sự cố và phục vụ điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu

1. Việc tạm đình chỉ và phục hồi hoạt động trở lại đối với cơ sở gây sự cố tràn dầu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, các bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tạm đình chỉ hoạt động đối với cơ sở để khắc phục tai nạn, sự cố và phục vụ điều tra, xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu.

Mục 2

GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 33. Xác định thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra

1. Thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra (gọi tắt là thiệt hại) là tổn thất gây ra đối với người, tài sản, kinh tế và môi trường, gồm có:

- a) Tồn thất gây ra thương tích hoặc tử vong;
- b) Tồn thất đối với tài sản của tổ chức hoặc cá nhân;
- c) Tồn thất gây ra cho môi trường, nuôi trồng thủy sản, du lịch, sinh thái;
- d) Tồn thất về lợi nhuận do ảnh hưởng của sự cố tràn dầu gây ra;
- đ) Chi phí ứng phó do tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó sự cố tràn dầu;
- e) Chi phí để thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố và môi trường.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó, phải lập hồ sơ tổng hợp, chi phí tổ chức ứng phó hoặc thuê đơn vị chuyên trách tham gia ứng phó, gửi về cơ quan huy động, điều động đề nghị thanh toán.

3. Việc xác định thiệt hại, giám định thiệt hại, lập hồ sơ bồi thường, phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Xác định trách nhiệm bồi thường

1. Chủ cơ sở hoặc chủ tàu gây sự cố tràn dầu, phải chịu trách nhiệm bồi thường chi phí ứng phó và các thiệt hại về kinh tế, tổn thất về môi trường. Bên chịu trách nhiệm bồi thường phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết việc bồi thường thiệt hại.

2. Trường hợp thiệt hại do tràn dầu gây ra ảnh hưởng trong phạm vi của tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì xác định thiệt hại và trách nhiệm phải bồi thường. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Ban chỉ đạo giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu cấp tỉnh, thành phần gồm đại diện các cơ quan chức năng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường sau sự cố.

3. Trường hợp thiệt hại do tràn dầu trên diện rộng, ảnh hưởng đến nhiều tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu.

4. Trường hợp sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng hoặc ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo của Chính phủ tổ chức ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu.

Điều 35. Trách nhiệm về bồi thường

1. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do ô nhiễm tràn dầu gây ra có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền khiếu nại, yêu cầu Bên có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do tràn dầu gây ra.

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, lập hồ sơ, xác định tổng giá trị thiệt hại, do sự cố tràn dầu gây ra để yêu cầu Bên chịu trách nhiệm bồi thường bảo đảm bồi thường chi trả toàn bộ thiệt hại do tràn dầu gây ra.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động bồi thường, thiệt hại do ô nhiễm tràn dầu gây ra và giải quyết các khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Sử dụng ngân sách nhà nước cho các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thanh toán chi phí tham gia ứng phó sự cố tràn dầu cho tổ chức, cá nhân được huy động, đồng thời yêu cầu Bên chịu trách nhiệm phải bồi thường lại các chi phí đã thanh toán.

2. Việc thanh toán tạm thời chi phí ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa. Tiền bồi thường chi phí ứng phó do Bên chịu trách nhiệm bồi thường chi trả.

3. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu lại được số tiền bồi thường ít hơn số tiền đã thanh toán theo quy định của pháp luật, thì ngân sách nhà nước sẽ thanh toán phần bị thiếu còn lại.

4. Trường hợp chưa xác định được đối tượng gây ra sự cố tràn dầu, thì ngân sách nhà nước sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã thanh toán cho các hoạt động ứng phó do cơ quan nhà nước huy động.

Chương V **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** **ĐỐI VỚI SỰ CỐ TRÀN DẦU**

Điều 37. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

1. Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu trên phạm vi cả nước; hướng dẫn, đôn đốc địa phương và các cơ sở xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Giao Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Điều 7 Quy chế này; kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai, thực hiện.

3. Chỉ đạo và huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương, các Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực, để ứng phó sự cố tràn dầu xảy ra, theo phân cấp quy định tại Điều 5 Quy chế này.

4. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo tổ chức đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu cho các lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, kiêm nhiệm; tổ chức diễn tập, hiệp đồng, phối hợp các lực lượng; tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để chủ động phòng tránh, ứng phó.

5. Chỉ đạo việc điều tra, xác minh sự cố tràn dầu theo đề nghị của các bộ, ngành, địa phương, chủ cơ sở hoặc của cơ quan có thẩm quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan về những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra.

6. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của các nước có liên quan để xử lý sự cố tràn dầu xảy ra trên vùng biển hoặc vùng nước tiếp giáp với các nước khác và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Định kỳ 01 năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu của các lực lượng thuộc các bộ, ngành và địa phương và báo cáo đột xuất, khi có tình huống sự cố tràn dầu.

Điều 38. Bộ Quốc phòng

1. Phối hợp với Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xây dựng và triển khai các phương án, kết hợp việc sử dụng lực lượng, phương tiện của Hải quân, Không quân, Biên phòng, Cảnh sát biển và các lực lượng khác của Quân đội, trong thực hiện nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng gắn với việc giám sát, phát hiện sự cố tràn dầu và sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố tràn dầu theo địa bàn hoạt động.

2. Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở thuộc quyền; phối hợp với các địa phương kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với chủ cơ sở để ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

3. Chỉ đạo các Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thuộc quyền và huy động lực lượng, phương tiện quân đội tham gia ứng phó sự cố tràn dầu khi có tình huống và theo đề nghị của Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, đào tạo cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm và tham gia ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu thuộc Bộ Quốc phòng; phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường biển, về ứng phó khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu.

Điều 39. Bộ Công an

1. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu.

2. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tổ chức lực lượng bảo vệ hiện trường; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và phối hợp với địa phương tổ chức sơ tán người, tài sản ra khỏi khu vực xảy ra sự cố tràn dầu.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương điều tra, làm rõ nguyên nhân tràn dầu và khởi tố, điều tra làm rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật, hình sự liên quan đến sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn triển khai, thực hiện Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu có hiệu quả; quy định hướng dẫn việc sử dụng chất phân tán dầu tràn và cập nhật, ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trên vùng biển Việt Nam.

2. Chủ trì, hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương xây dựng, cập nhật bản đồ nhạy cảm môi trường theo địa bàn quản lý và định kỳ cập nhật hệ thống bản đồ nhạy cảm môi trường, khu vực ven biển và các hải đảo của Việt Nam để phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phòng ngừa, giám sát rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu trên biển cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và các bộ, ngành và địa phương tổ chức ứng phó, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu.

4. Phối hợp với địa phương tổ chức điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại đối với môi trường bị ô nhiễm, suy thoái do sự cố tràn dầu gây ra khi có yêu cầu.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và các bộ, ngành và địa phương liên quan truy tìm, xác minh nguyên nhân gây ra sự cố tràn dầu khi có yêu cầu.

Điều 41. Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hàng hải, đường thủy nội địa để ngăn ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu; quy định cụ thể các thủ tục hành chính tại khoản 9 Điều 7 Quy chế này.

2. Chủ trì, hướng dẫn việc xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở hoạt động xăng, dầu thuộc bộ quản lý, các tàu chở dầu và kế hoạch hoạt động chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển theo quy định.

3. Công bố các tần số (kênh) trực canh, cấp cứu - khẩn cấp của hệ thống Đài thông tin Duyên hải Việt Nam, các phương thức liên lạc với địa chỉ liên lạc của Việt Nam về sự cố tràn dầu, các Trung tâm và các Trạm phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, các cảng vụ hàng hải, thủy nội địa để phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu và cứu hộ, cứu nạn.

4. Phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chỉ đạo hệ thống tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa, tổ chức phối hợp hiệu quả hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, cứu hộ, cứu nạn trên sông, trên biển.

5. Chỉ đạo ngành hàng hải, thủy nội địa hướng dẫn các cảng vụ, tổ chức giám sát chặt chẽ các hoạt động bơm, chuyển dầu tại các cảng, cảng dầu khí ngoài khơi, bơm chuyển dầu giữa tàu với tàu trên biển, để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

Điều 42. Bộ Công Thương

1. Phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chỉ đạo các đơn vị hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, lưu chứa, sử dụng xăng dầu có biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu và bảo vệ môi trường.

2. Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền, huy động lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tràn dầu khi có tình huống xảy ra; phối hợp với Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, các địa phương kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với cơ sở, dự án, để ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 43. Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp, giải quyết thủ tục cho đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu của Việt Nam tham gia hỗ trợ quốc tế và lực lượng hỗ trợ ứng phó của nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

2. Phối hợp với Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và các bộ, cơ quan ngang bộ, thông qua đường ngoại giao trao đổi thông tin, yêu cầu phối hợp hoặc đề nghị trợ giúp, ứng phó sự cố tràn dầu khi có sự cố tràn dầu xảy ra ở lãnh thổ, vùng biển nước ngoài ảnh hưởng đến Việt Nam hoặc dầu tràn ở lãnh thổ, vùng biển Việt Nam ảnh hưởng đến nước ngoài.

3. Phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, các bộ, ngành liên quan về hợp tác quốc tế trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 44. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan

1. Phối hợp với các địa phương, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực kiểm tra chủ cơ sở thuộc quyền để ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia đưa vào phương án sử dụng lực lượng, phương tiện theo Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền kịp thời tổ chức lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tràn dầu khi được Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và các cơ quan có thẩm quyền huy động.

4. Báo cáo kịp thời sự cố tràn dầu xảy ra thuộc phạm vi quản lý; hàng năm báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu của bộ, ngành mình về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Điều 45. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh; hàng năm chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư bảo đảm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giao cơ quan chuyên môn phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, dự án, cảng trên địa bàn tỉnh theo quy định; kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương.

3. Chỉ đạo và báo cáo kịp thời kết quả ứng phó sự cố tràn dầu xảy ra trên địa bàn; chỉ đạo cơ quan chuyên môn đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở, chủ tàu gây ra tràn dầu bồi thường thiệt hại.

4. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn, huấn luyện về ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu tại địa phương; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh và ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Điều 46. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp xã; phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m³) theo quy định; chỉ đạo và báo cáo kịp thời khi có sự cố tràn dầu xảy ra trên địa bàn; chủ trì đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở gây ra sự cố tràn dầu bồi thường thiệt hại.

2. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó hiệu quả sự cố tràn dầu xảy ra trên địa bàn.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh và cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thẩm định và phê duyệt kế hoạch.

Điều 47. Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực

1. Là lực lượng chuyên trách, nòng cốt ứng phó sự cố tràn dầu trong khu vực được giao; thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu theo phân cấp và hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở; sẵn sàng cơ động ứng phó sự cố tràn dầu trên phạm vi cả nước theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; khi có đủ lực lượng, phương tiện theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này mới được tham gia ký kết hợp đồng ứng trực, ứng phó sự cố tràn dầu tại các địa phương và cơ sở.

2. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp khu vực, trình Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia thẩm định và phê duyệt.

3. Hướng dẫn các tỉnh xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; tham gia hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

4. Kịp thời báo cáo khi có sự cố tràn dầu, kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố tràn dầu về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

5. Tổ chức các khóa huấn luyện, hội thảo, hội nghị trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ về ứng phó sự cố tràn dầu, theo kế hoạch được Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt.

Điều 48. Các cảng, cơ sở

1. Các cảng, cơ sở, dự án xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện hiệu quả sau khi được ban hành.

2. Hàng năm tổ chức tập huấn, huấn luyện hoặc cử cán bộ, nhân viên đi tập huấn, huấn luyện để nâng cao kỹ năng ứng phó. Định kỳ 02 năm tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu ngoài hiện trường.

3. Đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của cảng, cơ sở theo quy định tại các Phụ lục IV và V ban hành kèm theo Quyết định này hoặc ký kết thoả thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị có năng lực ứng phó để triển khai khi có tình huống.

4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố; sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo điều động, chỉ huy của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 49. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam phải bảo đảm đầy đủ lực lượng, phương tiện theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này mới được tham gia ký kết hợp đồng ứng trực, ứng phó sự cố tràn dầu tại các địa phương và cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu tham gia vào kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu.

3. Tổ chức, cá nhân có khả năng thực hiện dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu báo cáo cơ quan chủ trì kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo cấp và khu vực mà tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia vào danh sách nguồn lực sẵn sàng huy động, ứng phó sự cố tràn dầu của kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo cấp nào thì chấp hành lệnh điều động của cơ quan chủ trì triển khai kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu cấp đó.

Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn ghi trong kế hoạch, không xây dựng, phê duyệt lại kế hoạch.

2. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định nhưng chưa được phê duyệt hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định tiếp nhận hồ sơ trước ngày Quyết định này có hiệu lực, thì tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 51. Điều khoản thi hành

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả Quy chế này. Bộ Quốc phòng là Cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

2. Hằng năm hoặc đột xuất, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tổ chức rà soát kế hoạch, theo dõi, đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu trên phạm vi cả nước; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, ngành và địa phương rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, gửi về Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



Phụ lục I

**ĐỀ CƯƠNG BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA
KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP TỈNH**

*Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

CƠ QUAN BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh A

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm địa hình, thời tiết, khí hậu, thủy văn (nêu các đặc điểm chính có liên quan)

2. Các hoạt động thăm dò, khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến và kinh doanh xăng dầu

a) Khai thác dầu khí: (nếu có)

b) Cơ sở lọc hóa dầu: (nếu có)

c) Các kho trạm xăng dầu hiện có của tỉnh (thống kê các kho trạm xăng dầu và trữ lượng của từng kho trạm).

3. Thực trạng lực lượng, phương tiện ứng phó tràn dầu của tỉnh, thành phố

a) Lực lượng chuyên trách: Số lượng trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có của địa phương và các Trung tâm khu vực, các đơn vị có khả năng ứng phó sự cố tràn dầu theo kế hoạch hiệp đồng của từng địa phương.

b) Lực lượng, phương tiện kiêm nhiệm

Các cơ sở có khả năng tham gia ứng phó sự cố tràn dầu: Số lượng trang thiết bị của các lực lượng kiêm nhiệm và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao

a) Trên đất liền: Các cơ sở sản xuất, kho trạm xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố.

b) Trên biển: Bao gồm cảng biển và khu chuyển tải xăng dầu, ven bờ biển, khu vực biển trọng điểm do địa phương quản lý có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

c) Trên sông: Gồm bến cảng, các phương tiện vận chuyển xăng dầu.

III. TỔ CHỨC, LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo: “Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.

2. Nguyên tắc ứng phó

- Tiếp nhận thông tin đánh giá, kết luận cụ thể, rõ ràng, chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ứng phó sát, đúng, phát huy sức mạnh tổng hợp theo phương châm 4 tại chỗ ứng phó kịp thời hiệu quả;

- Báo cáo kịp thời theo quy định;

- Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó sự cố tràn dầu, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường;

- Bảo đảm an toàn cho người, phương tiện trước, trong và sau ứng phó khắc phục hậu quả;

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó.

3. Tổ chức sử dụng lực lượng

a) Ứng phó trên đất liền: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường.

b) Ứng phó trên sông và ven bờ biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường.

c) Ứng phó trên biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường.

IV. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG TRÀN DẦU, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Trên đất liền

a) Tình huống: Nêu tình huống giả định xảy ra 01 kho trạm.

b) Biện pháp xử lý

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố...

- Vận hành cơ chế họp Ban Chỉ huy ứng phó sự cố...

- Thiết lập Sở Chỉ huy tại hiện trường để chỉ huy tổ chức ứng phó...

- Tổ chức lực lượng ứng phó sự cố....

2. Trên biển: Tương tự như trên đất liền.

a) Tình huống;

b) Biện pháp xử lý.

3. Tại các cảng hoặc trên sông: (Tương tự như trên đất liền).

a) Tình huống;

b) Biện pháp xử lý.

V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự: *(Nêu các nhiệm vụ trong chỉ huy, chỉ đạo công tác ứng phó)*.
2. Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh.
3. Công an tỉnh.
4. Sở Nông nghiệp và Môi trường.
5. Sở Công Thương.
6. Sở Xây dựng.
7. Sở Tài chính.
8. Sở Y tế.
9. Sở Khoa học và Công nghệ.
10. Ủy ban nhân dân cấp xã.
11. Đơn vị phối hợp, hiệp đồng với Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực.

VI. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Thông tin liên lạc

- Bảo đảm thông tin cho chỉ huy chỉ đạo;
- Bảo đảm thông tin liên lạc cho lực lượng ứng phó, khắc phục hậu quả.

2. Bảo đảm trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu

3. Bảo đảm vật chất cho các đơn vị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả

4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn

VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY

1. Sở Chỉ huy

- Sở Chỉ huy thường xuyên (cơ bản);
- Sở Chỉ huy phía trước: Tại hiện trường nơi xảy ra thảm họa tràn dầu.

2. Tổ chức chỉ huy

- Chỉ huy tại Sở Chỉ huy thường xuyên gồm: Thành phần gồm:
- Chỉ huy tại nơi xảy ra sự cố: Thành phần gồm:

Nơi nhận:

**UBND CẤP TỈNH
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên



Phụ lục II

ĐỀ CƯƠNG BỐ CỤC, NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP CƠ SỞ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

CƠ QUAN BAN HÀNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Ứng phó sự cố tràn dầu của

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên (nêu ngắn gọn vị trí địa lý, khí tượng, thủy văn trong phạm vi địa bàn cơ sở hoạt động)

2. Tính chất, quy mô đặc điểm của cơ sở (Tính chất, quy mô, công nghệ của cơ sở)

3. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố tràn dầu hiện có của cơ sở (quân số, trang thiết bị ứng phó, lực lượng, phương tiện tham gia phối hợp).

4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao: Dự kiến các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, khi xảy ra sự cố ảnh hưởng thiệt hại lớn đến con người và môi trường.

* Kết luận: Khả năng ứng phó của cơ sở ở mức độ nào.

III. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo: “Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.

2. Nguyên tắc ứng phó

- Tiếp nhận thông tin đánh giá, kết luận cụ thể, rõ ràng, chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ứng phó sát thực tế, phát huy sức mạnh tổng hợp theo phương châm 4 tại chỗ ứng phó kịp thời hiệu quả;

- Báo cáo kịp thời theo quy định;

- Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó sự cố tràn dầu, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường;

- Bảo đảm an toàn cho người, phương tiện trước, trong và sau ứng phó khắc phục hậu quả;

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó.

3. Biện pháp ứng phó

- Thông báo, báo động;
- Tổ chức ngăn chặn;
- Tổ chức khắc phục hậu quả.

4. Tổ chức sử dụng lực lượng

- Ứng phó trên đất liền, trên sông và ven bờ biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường (lực lượng thông báo, báo động; lực lượng sơ tán người, phương tiện; lực lượng ứng phó; lực lượng thu gom rác thải nhiễm dầu; lực lượng PCCC; lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế; lực lượng khắc phục hậu quả môi trường).

- Ứng phó trên biển: Sử dụng đơn vị nào; lực lượng phương tiện đơn vị nào; bao gồm cái gì; lực lượng, phương tiện khắc phục hậu quả môi trường.

IV. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG TRÀN DẦU, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Trên đất liền

a) Tình huống: *(Nêu tình huống giả định xảy ra 01 kho trạm)*

b) Biện pháp xử lý:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố...
- Vận hành cơ chế hợp Ban chỉ huy ứng phó sự cố...
- Thiết lập Ban chỉ huy tại hiện trường để chỉ huy tổ chức ứng phó...
- Tổ chức lực lượng ứng phó sự cố....

2. Trên biển: (tương tự như trên đất liền)

a) Tình huống;

b) Biện pháp xử lý.

V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (PHÒNG, BAN CỦA CƠ SỞ)

1. Lãnh đạo chỉ huy cơ sở *(nêu nhiệm vụ trong chỉ huy, chỉ đạo công tác ứng phó)*;

2. Lực lượng tiếp nhận cấp phát;

3. Lực lượng tuần tra canh gác, bảo vệ;

4. Các ban ngành (phòng, ban) của cơ sở;

5. Phối hợp với các đoàn thể, xã hội và ban, ngành của địa phương;

6. Công tác đào tạo, diễn tập: Xây dựng kế hoạch đào tạo, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu;

7. Cập nhật kế hoạch triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo.

VI. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Thông tin liên lạc

- Bảo đảm thông tin cho chỉ huy chỉ đạo;
- Bảo đảm thông tin liên lạc cho lực lượng ứng phó, khắc phục hậu quả.

2. Bảo đảm trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu

- Do đơn vị tự trang bị;
- Ký kết hợp đồng với các đơn vị có khả năng ứng phó sự cố.

3. Bảo đảm vật chất cho các đơn vị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả

4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn

VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chủ cơ sở trực tiếp chỉ huy.

Nơi nhận:

**UBND XÃ (CHỦ CƠ SỞ)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, đóng dấu)

Họ và tên



Phụ lục III
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU, VẬT TƯ CHO CẤP TỈNH
(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐỐI VỚI TỈNH CÓ BIỂN

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
I	Trang thiết bị				
1	Tàu ứng phó	Chuyên chở vật tư ứng phó đường thủy/ thao tác chuyên môn ở khu vực địa hình rộng	Chiếc	01	Công suất tối thiểu 500 cv
2	Cano ứng phó/Xuồng	Thao tác chuyên môn gần bờ	Chiếc	02	Công suất tối thiểu 40 cv
3	Hoạt chất khử hơi xăng dầu	Khử hơi xăng dầu chống cháy nổ và ô nhiễm môi trường không khí	Lít	500	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
4	Phao quây chuyên dụng	Quây chặn dầu tràn, khi xảy ra sự cố tại khu vực cầu cảng, trên sông, trên biển	Mét	600	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
5	Hệ thống dây kéo phao đi kèm quả mồi	Kết hợp phao quây chuyên dụng (02 bộ/100 m)	Bộ	05	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
6	Neo phao	Neo phao tại khu vực xảy ra sự cố trên sông, biển (02 bộ/100 m)	Bộ	10	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
7	Bơm hút dầu tràn chuyên dụng	Bơm hút dầu tràn trong các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu (Công suất: từ 35 - 60 m ³ /h)	Chiếc	05	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
8	Đầu hút dầu trên mặt nước	Đầu hút dầu chuyên dụng kiểu dạng tam giác. Khớp nối nhanh với dây hút dầu; Sơn tĩnh điện màu vàng cảnh báo (Vật liệu: Sắt sơn tĩnh điện)	Chiếc	05	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
9	Dây hút dầu, dây dẫn dầu	Kích thước: Φ 50 x dài 8 m – 14 m	Chiếc	05	Đoạn dài 15 m

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
10	Rọ hút dầu	Khớp nối nhanh với dây hút	Chiếc	03	Vật liệu inox 304
11	Bồn chứa cơ động dưới nước	Bồn chứa dùng sự cố dưới nước	Chiếc	03	Thể tích chứa: 5 m3
12	Bồn chứa cơ động trên cạn	Bồn chứa dùng sự cố trên cạn	Chiếc	03	Thể tích chứa: 5 m3
13	Bồn chứa cơ động dạng lục giác trên cạn	Sử dụng kê, hứng dưới các khu vực sự cố đang chảy tràn	Chiếc	03	Thể tích chứa: 1 m3
14	Module lọc dầu, thùng lọc dầu	Giải pháp hiệu quả để lọc dầu lẫn trong nước thải thay vì đầu tư công nghệ tách dầu phức tạp	Chiếc	02	Công suất lọc tối thiểu 5m3/h
15	Vải lọc dầu	Giải pháp hiệu quả để lọc dầu lẫn trong nước thải thay vì đầu tư công nghệ tách dầu phức tạp	Cuộn	05	Khổ rộng 1,5 m x dài 75 m
16	Phao quây thấm dầu	Quây chặn, thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố nhằm giảm lượng dầu tràn	Chiếc	100	KT phao: 20 cm x dài 6 m
17	Tấm thấm dầu	Dùng thấm hút dầu tràn khu vực xảy ra sự cố	Kiện	1.000	KT tấm: 40 cm x 50 cm
18	Xơ bông thấm dầu	Dùng thấm hút dầu tràn ở khu vực không gian hẹp như cống, rãnh, hốc đá, bụi cở...	Kg	500	1 kg thấm hút khoảng 0,4 lít dầu
19	Gối thấm dầu	Dùng thấm hút, kê, hứng dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Kiện	200	KT gối: 40 cm x 50 cm
20	Cuộn thấm dầu	trải thành đường lối đi khi bước ra khỏi khu vực sự cố, tránh phát sinh chất thải nhiễm dầu	Cuộn	10	KT cuộn: 80 cm x 50 m
21	Bột vi sinh xử lý sự cố ô nhiễm dầu	Dùng ứng phó tại chỗ sự cố dầu tràn ngấm vào đất, cát hoặc mặt sàn, xử lý bùn cặn nhiễm dầu	Kg	1.000	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
22	Bột thấm dầu	Dùng cho ứng phó tại chỗ sự cố tràn dầu tại nền sàn cứng	Kg	1.000	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
23	Chất xử lý váng dầu trên bề mặt	Chống cháy, chống tràn, khử bụi mịn, làm sạch bề mặt và giảm nhiệt nhanh	Lít	500	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
II	Thiết bị, vật tư khác				
1	Đồ bảo hộ chống nhiễm dầu	Bảo vệ cơ thể người ứng phó, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	Bộ	100	Vật liệu cách nước/dầu
2	Máy cao áp thường và gia nhiệt	Tẩy rửa thành bề mặt cầu cảng, đường bờ...	Bộ	05	Áp lực tối thiểu 150 bar
3	Bộ dụng cụ làm sạch dầu trên nền sàn	Làm sạch dầu trên bề mặt nền sàn	Bộ	20	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
4	Bao đựng chất thải nguy hại	Dùng để đựng các chất thải nguy hại khi xử lý sự cố tràn dầu	Chiếc	1.000	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
5	Vợt vớt rác thải nhiễm dầu	Vớt, thu hồi các rác thải nhiễm dầu trên sông, trên biển sau khi thấm dầm dầu	Chiếc	05	Cán vợt dài 2 m, thu gọn 0,9 m
6	Máy phun rải chất thấm và phân hủy sinh học dầu	Dùng để phun chất thấm và phân hủy sinh học dầu trong ứng phó sự cố tràn dầu	Chiếc	03	Dung tích tối thiểu: 20 lít
7	Băng rào cảnh báo	Cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố	Chiếc	5	Cuộn 100 m
8	Bộ đàm	Liên lạc nội bộ trong quá trình ứng phó	Chiếc	10	
9	Thiết bị chiếu sáng dùng pin	Chiếu sáng trong quá trình ứng phó thiếu điều kiện ánh sáng	Chiếc	10	Pin sạc
10	Thiết bị chiếu sáng cá nhân	Chiếu sáng trong quá trình ứng phó thiếu điều kiện ánh sáng	Chiếc	50	Pin sạc
11	Đèn laser xác định vị trí	Chỉ huy dùng xác định vị trí chỉ định ứng phó	Chiếc	2	Pin sạc
12	Thiết bị quan sát trên cao	Quan sát tổng quan để lên phương án ứng phó	Chiếc	1	
13	Ống nhòm	Quan sát ứng phó chi tiết từ xa	Chiếc	2	

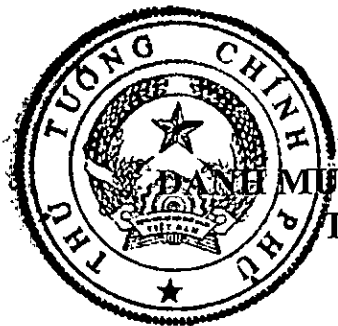
II. ĐỐI VỚI TỈNH KHÔNG CÓ BIỂN

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
I	Trang thiết bị				
1	Cano ứng phó/Xuồng	Thao tác chuyên môn gần bờ	Chiếc	01	Công suất tối thiểu 25 cv
2	Hoạt chất khử hơi xăng dầu	Khử hơi xăng dầu chống cháy nổ và ô nhiễm môi trường không khí	Lít	200	Khử/pha loãng nồng độ xăng dầu
3	Phao quây chuyên dụng	Quây chặn dầu tràn khi xảy ra sự cố tại khu vực cầu cảng, sông	Mét	500	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
4	Hệ thống dây kéo phao đi kèm quả mồi	Kết hợp phao quây chuyên dụng	Bộ	05	02 bộ/100 m
5	Neo phao	Neo cho phao tại khu vực xảy ra sự cố dưới sông, biển	Bộ	05	02 bộ/100 m
6	Bơm hút dầu tràn chuyên dụng	Bơm hút dầu tràn trong các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu	Chiếc	03	Công suất tối thiểu: 20m ³ /h
7	Đầu hút dầu trên mặt nước	Đầu hút dầu chuyên dụng kiểu dạng tam giác. Khớp nối nhanh với dây hút dầu; Sơn tĩnh điện màu vàng cảnh báo	Chiếc	03	Vật liệu: Sắt sơn tĩnh điện
8	Dây hút dầu, dây dẫn dầu	Kích thước tối thiểu: Φ 50 x 8m	Chiếc	10	
9	Rọ hút dầu	Khớp nối nhanh với dây hút	Chiếc	03	Vật liệu inox 304
10	Bồn chứa cơ động dưới nước	Bồn chứa dùng sự cố dưới nước	Chiếc	10	Thể tích chứa: 5 m ³
11	Bồn chứa cơ động trên cạn	Bồn chứa dùng sự cố trên cạn	Chiếc	10	Thể tích chứa: 5 m ³
12	Bồn chứa cơ động dạng lục giác trên cạn	Sử dụng kê, hứng dưới các khu vực sự cố đang chảy tràn	Chiếc	10	Thể tích chứa: 1 m ³
13	Module lọc dầu, thùng lọc dầu	Giải pháp hiệu quả để lọc dầu lẫn trong nước thải thay vì đầu tư công nghệ tách dầu phức tạp	Chiếc	02	Công suất lọc 10 m ³ /h

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
14	Vải lọc dầu	Giải pháp hiệu quả để lọc dầu lẫn trong nước thải thay vì đầu tư công nghệ tách dầu phức tạp	Cuộn	03	Khổ rộng 1,5 m x dài 75 m
15	Phao quây thấm dầu	Quây chặn, thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố nhằm giảm lượng dầu tràn	Chiếc	100	KT phao: 20 cm x dài 6 m
16	Tấm thấm dầu	Dùng thấm hút dầu tràn trong khu vực sự cố	Kiện	200	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
17	Xơ bông thấm dầu	Dùng thấm hút dầu tràn ở khu vực không gian hẹp như cống, rãnh, hốc đá, bụi cò...	Kg	100	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
18	Gối thấm dầu	Dùng thấm hút, kê, hứng dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Kiện	100	KT gối: 40 cm x 50 cm
19	Cuộn thấm dầu	Trải thành đường lối đi dài khi bước ra khỏi khu vực sự cố, tránh phát sinh chất thải nhiễm dầu	Cuộn	10	KT cuộn: 80 cm x 50 m
20	Bột vi sinh xử lý sự cố ô nhiễm dầu	Dùng ứng phó tại chỗ sự cố dầu tràn ngấm vào đất, cát hoặc mặt sàn, xử lý bùn cặn nhiễm dầu	Kg	100	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
21	Bột thấm dầu	Dùng cho ứng phó tại chỗ sự cố tràn dầu tại nền sàn cứng	Kg	200	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
22	Chất xử lý váng dầu trên bề mặt	Chống cháy, chống tràn, khử bụi mịn, làm sạch bề mặt và giảm nhiệt nhanh	Lít	200	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
II Thiết bị, vật tư khác					
1	Đồ bảo hộ chống nhiễm dầu	Bảo vệ cơ thể người ứng phó, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	Bộ	50	Vật liệu cách nước/dầu
2	Máy cao áp thường và gia nhiệt	Tẩy rửa thành bề mặt cầu cảng, đường bờ...	Bộ	02	Áp lực tối thiểu 150 bar

TT	Danh mục	Công dụng	ĐVT	Số lượng	Quy cách
3	Bộ dụng cụ làm sạch dầu	Làm sạch dầu trên bề mặt nền sàn	Bộ	10	
4	Bao đựng chất thải nguy hại	Dùng để đựng các chất thải nguy hại khi xử lý sự cố tràn dầu	Chiếc	200	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
5	Vợt vớt rác thải nhiễm dầu	Vớt, thu hồi các rác thải nhiễm dầu dưới sông, biển sau khi thấm dầm dầu	Chiếc	05	Cán vợt dài 2 m, thu gọn 0,9 m
6	Máy phun rải chất thấm và phân hủy sinh học dầu	Dùng để phun chất thấm và phân hủy sinh học dầu trong ứng phó sự cố tràn dầu	Chiếc	02	Dung tích: 26 lít
7	Băng rào cảnh báo	Cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố	Chiếc	05	Cuộn 100 m
8	Bộ đàm	Liên lạc nội bộ trong quá trình ứng phó	Chiếc	10	
9	Thiết bị chiếu sáng dùng pin	Chiếu sáng trong quá trình ứng phó thiếu điều kiện ánh sáng (dùng chung)	Chiếc	10	Pin sạc
10	Thiết bị chiếu sáng cá nhân	Chiếu sáng trong quá trình ứng phó thiếu điều kiện ánh sáng (cá nhân)	Chiếc	30	Pin sạc
11	Đèn laser xác định vị trí	Chỉ huy dùng xác định vị trí chỉ định ứng phó	Chiếc	02	Pin sạc
12	Thiết bị quan sát trên cao	Quan sát tổng quan để lên phương án ứng phó	Chiếc	01	
13	Ống nhòm	Quan sát ứng phó chi tiết từ xa	Chiếc	01	

(*): Sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo; có thể sử dụng sản phẩm khác có đặc tính kỹ thuật, công năng tương đương hoặc tốt hơn.



Phụ lục IV

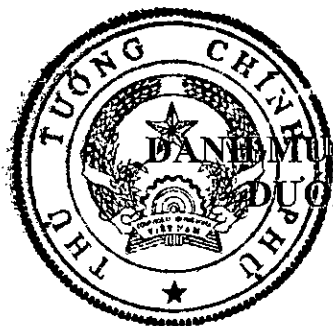
MỨC TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO KHO, CẢNG XĂNG DẦU CÓ TRỮ LƯỢNG TỪ 50.000 m³ TRỞ LÊN VÀ CẢNG XĂNG DẦU CHO TÀU CÓ TẢI TRỌNG TỪ 50.000 DWT TRỞ LÊN

*(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên trang bị	ĐVT	Số lượng	Công dụng	Ghi chú
1	Phao quây chuyên dụng	M	240	Quây chặn dầu tràn khi xảy ra sự cố tại khu vực cầu cảng, sông, biển	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
2	Neo phao	Bộ	04	Neo cho phao tại khu vực xảy ra sự cố dưới sông, biển	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
3	Bơm hút dầu tràn công suất tối thiểu: 20 m ³ /h	Bộ	02	Bơm hút dầu tràn trong các tình huống ứng phó sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
4	Bồn chứa cơ động dưới nước 5 m ³	Chiếc	02	Bồn chứa dầu khi xảy ra sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
5	Bồn chứa cơ động trên cạn 5 m ³	Chiếc	02	Bồn chứa dầu khi xảy ra sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
6	Phao quây thấm dầu (dài 6 m x cao 20 cm)	Chiếc	05	Quây chặn, thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
7	Tấm thấm dầu (50 cm x 40 cm)	Kiện	05	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
8	Gối thấm dầu (40 cm x 50 cm) 16 chiếc/kiện	Kiện	05	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
9	Cuộn thấm dầu (80 cm x 50 m)	Cuộn	05	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
10	Bột thấm dầu (8 kg/thùng)	Thùng	05	Dùng để thấm hút dầu trên nền sàn cứng	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
11	Bao đựng chất thải nguy hại (80 cm x 120 cm)	Chiếc	50	Dùng để đựng các chất thải nguy hại khi xử lý sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu

TT	Tên trang bị	ĐVT	Số lượng	Công dụng	Ghi chú
12	Vợt vớt rác thải nhiễm dầu (Cán vợt dài 2 m, thu gọn 0,9 m và Vợt dài 0,5 m, sâu 0,8 m)	Chiếc	02	Vớt, thu hồi các rác thải nhiễm dầu dưới sông, biển sau khi thấm dầm dầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
13	Chất xử lý váng dầu trên bề mặt	Lít	50	Chống cháy, chống tràn, khử bụi mịn, làm sạch bề mặt và giảm nhiệt nhanh	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
14	Trang phục bảo hộ	Bộ	20	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
15	Găng tay bảo hộ	Đôi	30	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
16	Ủng bảo hộ	Đôi	30	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
17	Khẩu trang bảo hộ	Chiếc	30	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
18	Kính bảo hộ	Chiếc	30	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
19	Mặt nạ phòng độc nửa mặt kèm 2 phin lọc	Bộ	20	Sử dụng trong không gian kín	
20	Băng rào cảnh báo	Cuộn	02	Cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố	
21	Bộ dụng cụ làm sạch dầu trên nền sàn	Bộ	03	Làm sạch dầu trên bề mặt nền sàn	
22	Bộ ứng phó khẩn cấp sự cố tràn dầu (Spill Kit)	Bộ	01	Dùng để triển khai ứng phó khẩn cấp ban đầu	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu

(*): Sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo; có thể sử dụng sản phẩm khác có đặc tính kỹ thuật, công năng tương đương hoặc tốt hơn.



Phụ lục V

**DANH MỤC TỐI THIỂU TRANG THIẾT BỊ CHO KHO, CẢNG XĂNG DẦU CÓ TRỮ LƯỢNG
DƯỚI 50.000 m³ CẢNG XĂNG DẦU CHO TÀU CÓ TẢI TRỌNG DƯỚI 50.000 DWT
VÀ BẾN THỦY NỘI ĐỊA CỦA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU**

(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Quy cách			Số lượng				Công dụng	Ghi chú
TT	Tên trang bị	ĐVT	Kho, cảng dưới 50.000 m ³ Cảng Xăng dầu có tàu < 50.000 DWT	Kho dưới 50.000 m ³	Bến thủy nội địa	CHXD		
1	Phao quây chuyên dụng	M	120	90			Quây chặn dầu tràn khi xảy ra sự cố tại khu vực cầu cảng, sông, biển	Khi xảy ra sự cố thì bổ sung số lượng theo nhu cầu
2	Neo phao	Bộ	02	01			Neo cho phao tại khu vực xảy ra sự cố dưới sông, biển	Khi xảy ra sự cố thì bổ sung số lượng theo nhu cầu
3	Bơm hút dầu tràn công suất: 30 m ³ /h	Bộ	01	01	01		Bơm hút dầu tràn trong các tình huống ứng phó sự cố	Khi xảy ra sự cố thì bổ sung số lượng theo nhu cầu
4	Bồn chứa cơ động dưới nước 5 m ³	Chiếc	02	02	01		Bồn chứa dầu khi xảy ra sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì bổ sung số lượng theo nhu cầu

5	Bồn chứa cơ động trên cạn 5 m ³	Chiếc	02	02		01	Bồn chứa dầu khi xảy ra sự cố tràn dầu	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
6	Phao quây thấm dầu (dài 6 m x cao 20 cm)	Chiếc	10	07	05	05	Quây chặn, thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì huy động bổ sung số lượng theo nhu cầu
7	Tấm thấm dầu (50 cm x 40 cm)	Kiện	07	07	03	01	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
8	Gối thấm dầu (40 cm x 50 cm) 16 chiếc/kiện	Kiện	05	05	01	01	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
9	Bột thấm dầu (8 kg/thùng)	Thùng	05	05	02	01	Dùng để thấm hút dầu trên nền sàn cứng	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
10	Bao đựng chất thải nguy hại (80 cm x 120 cm)	Chiếc	20	20	05	20	Dùng để đựng các chất thải nguy hại khi xử lý sự cố	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
11	Vợt vớt rác thải nhiễm dầu	Chiếc	03	03	01		Vớt, thu hồi các rác thải nhiễm dầu dưới sông, biển sau khi thấm dầm dầu	

12	Chất xử lý văng dầu trên bề mặt	Lít	50	50	20	20	Chống cháy, chống tràn, khử bụi mịn, làm sạch bề mặt	Khi xảy ra sự cố thì mua bổ sung số lượng theo nhu cầu
13	Trang phục bảo hộ	Bộ	15	15	05	05	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
14	Găng tay bảo hộ	Đôi	20	20	10	05	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
15	Ủng bảo hộ	Đôi	20	20	05	05	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
16	Khẩu trang bảo hộ	Chiếc	20	20	05	05	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
17	Kính bảo hộ	Chiếc	20	20	05	05	Bảo vệ cơ thể, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	
18	Mặt nạ phòng độc nửa mặt kèm 2 phin lọc	Bộ	10	10		02	Sử dụng trong không gian kín	
19	Băng rào cảnh báo	Cuộn	02	02	01	01	Cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố	

(*): Sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo; có thể sử dụng sản phẩm khác có đặc tính kỹ thuật, công năng tương đương hoặc tốt hơn.



Phụ lục VI

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ CỦA TRUNG TÂM, ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH KHI THAM GIA ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU CHO CÁC CƠ SỞ VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Quy cách	Đv tính	S.lượng
I	Phương tiện			
1	Xe chỉ huy	Có cờ ưu tiên khi thực hiện nhiệm vụ	Chiếc	02
2	Xe ứng phó	Chở nhân sự và chuyên viên ứng phó trên đường bộ	Chiếc	02
3	Xe tải	Tối thiểu 3 tấn	Chiếc	05
4	Tàu ứng phó	Ứng phó trên biển, trên sông và ven bờ biển ở khu vực địa hình rộng	Chiếc	01
5	Cano ứng phó/Xuồng	Thao tác chuyên môn gần bờ	Chiếc	03
II	BẢO HỘ			
1	Quần áo chống nhiễm dầu	Bảo vệ cơ thể người ứng phó, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	Bộ	30
2	Găng tay chống nhiễm dầu	Bảo vệ cơ thể người ứng phó, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	Đôi	30
3	Ứng bảo hộ	Bảo vệ cơ thể người ứng phó, tránh tiếp xúc trực tiếp với dầu	Đôi	30
4	Khẩu trang bảo hộ	Bảo vệ đường hô hấp. Ngăn ngừa hơi acid, hơi Gas, bụi dạng hạt	Chiếc	30
5	Kính bảo hộ	Bảo vệ mắt, ngăn mắt không tiếp xúc với nước, dầu và bụi mịn	Chiếc	30
6	Mặt nạ phòng độc nửa mặt kèm 2 phin lọc	Sử dụng khi ứng phó sự cố trong không gian kín	Bộ	30
III	Thiết bị, vật tư			
1	Hoạt chất khử xăng dầu	Khử hơi xăng dầu chống cháy nổ và ô nhiễm môi trường không khí	Lít	1.000
2	Phao quây chuyên dụng	Quây chặn dầu tràn khi xảy ra sự cố tại khu vực cầu cảng, sông, biển	Mét	1.000
3	Hệ thống dây kéo phao	Kết hợp phao quây chuyên dụng	Bộ	06
4	Neo phao	Neo cho phao tại khu vực xảy ra sự cố dưới sông, biển	Bộ	04
5	Thiết bị tách lọc dầu từ hỗn hợp nước	Lọc tách dầu lẫn trong hỗn hợp dầu nước phát sinh trong hoạt động ứng cứu sự cố tràn dầu (công suất tối thiểu 5 m ³ /h).	Bộ	04
6	Bơm hút dầu tràn	Bơm hút dầu tràn. Công suất: tối thiểu 20 m ³ /h	Chiếc	04
7	Đầu hút dầu trên mặt nước	Đầu hút dầu chuyên dụng, khớp nối nhanh với dây hút dầu; sơn tĩnh điện màu cảnh báo	Chiếc	03

TT	Danh mục	Quy cách	Đv tính	S.lượng
8	Dây hút dầu, dây dẫn dầu	Kích thước tối thiểu: Φ 50 x dài 8m	Chiếc	04
9	Rọ hút dầu	Khớp nối nhanh với dây hút	Chiếc	03
10	Bồn chứa cơ động dưới nước	Bồn chứa dùng sự cố dưới nước, thể tích chứa: $1,5 \text{ m}^3 - 2,5 \text{ m}^3 - 5 \text{ m}^3$	Chiếc	05
11	Bồn chứa cơ động trên cạn	Bồn chứa dùng sự cố trên cạn, thể tích chứa: $1 \text{ m}^3 - 2 \text{ m}^3 - 5 \text{ m}^3$	Chiếc	05
12	Bồn chứa cơ động dạng lục giác trên cạn	Sử dụng kê, hứng dưới các khu vực sự cố đang chảy tràn, thể tích chứa: $0,2 \text{ m}^3 - 0,5 \text{ m}^3 - 1 \text{ m}^3$	Chiếc	05
13	Túi lọc dầu, thùng lọc dầu	Giải pháp hiệu quả để lọc dầu lẫn trong nước thải	Chiếc	05
14	Phao quây thấm dầu	Quây chặn, thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Chiếc	30
15	Tấm thấm dầu	Dùng để thấm hút dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Tấm	1000
16	Xơ bông thấm dầu	Dùng để thấm hút dầu tràn ở khu vực không gian hẹp như cống, rãnh, hốc đá...	Kg	30
17	Gối thấm dầu	Dùng để thấm hút, kê, hứng dầu tràn trong khu vực xảy ra sự cố	Chiếc	30
18	Cuộn thấm dầu	Trải thành đường lối đi khi bước ra khỏi khu vực sự cố	Cuộn	05
19	Bột vi sinh xử lý sự cố ô nhiễm dầu	Dùng cho ứng phó tại chỗ sự cố dầu tràn ngấm vào đất, cát hoặc mặt sàn, xử lý bùn cặn nhiễm dầu	Kg	80
20	Bột thấm dầu	Dùng cho ứng phó tại chỗ sự cố tràn dầu tại nền sàn cứng	Kg	80
21	Chất xử lý váng dầu	Chống cháy, chống tràn, khử bụi mịn, làm sạch bề mặt và giảm nhiệt nhanh	Can 20L	05
22	Bộ dụng cụ làm sạch dầu	Làm sạch dầu trên bề mặt nền sàn: chổi, gàu xúc, bàn chải	Bộ	03
23	Bao đựng chất thải nguy hại	Dùng để đựng các chất thải nguy hại khi xử lý sự cố tràn dầu	Chiếc	20
IV	Thiết bị, vật tư hỗ trợ			
1	Vợt vớt rác thải nhiễm dầu	Vớt, thu hồi các rác thải nhiễm dầu dưới sông, biển sau khi thấm đầm dầu	Chiếc	05
2	Máy cao áp	Tẩy rửa thành bề mặt cầu cảng, đường bờ...	Bộ	03
3	Máy phun rải chất thấm và phân hủy sinh học dầu	Dùng để phun chất thấm và phân hủy sinh học dầu trong ứng phó sự cố tràn dầu	Chiếc	03
4	Băng rào cảnh báo	Cảnh báo khu vực đang xảy ra sự cố	Cuộn	05

(*): Sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo; có thể sử dụng sản phẩm khác có đặc tính kỹ thuật, công năng tương đương hoặc tốt hơn.



Phụ lục VII

MẪU VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

*Quy chế tại Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ*

I. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

V/v đề nghị thẩm định kế hoạch
ứng phó sự cố tràn dầu

(Địa danh), ngày... tháng... năm.....

Kính gửi:.....

Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt đầu tư của:

Địa điểm thực hiện dự án:

Địa chỉ liên hệ của:

Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

Chúng tôi xin gửi đến ...hồ sơ gồm:

1.....

2.....

3.....

.....

Đề nghị thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu....

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,)

Họ và tên

(1) Tên đơn vị ban hành.

II. Mẫu Quyết định thành lập hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

(1)

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ

Căn cứ ...

Xét Văn bản số... ngày... tháng... năm... của ... về việc đề nghị thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án;

Theo đề nghị của....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án ... gồm các ông (bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức danh trong hội đồng
1	...	...	Chủ tịch
2	...	...	Phó Chủ tịch (nếu có)
3	...	...	Ủy viên thư ký
4	...	...	Ủy viên
5	...	...	Ủy viên

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án ..., chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và gửi kết quả cho ... Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí hoạt động của hội đồng thẩm định được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và các thành viên hội đồng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- ...
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền)

Họ và tên

(1) Tên đơn vị ban hành.

III. Mẫu Biên bản họp thẩm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN Họp thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của...

Tên cơ sở (dự án):

Quyết định thành lập hội đồng thẩm định số... ngày... tháng... năm... của... ban hành.

Thời gian họp: ngày... tháng... năm...

Địa chỉ nơi họp:...

1. Thành phần tham dự phiên họp hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định

- Thành viên hội đồng có mặt: *(chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt);*

- Thành viên hội đồng vắng mặt: *(ghi rõ số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của tất cả các thành viên vắng mặt, nêu rõ có lý do hoặc không có lý do; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền).*

b) Chủ cơ sở (dự án): *(ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các thành viên của chủ dự án tham dự họp; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên, ngày tháng của văn bản ủy quyền).*

c) Đơn vị tư vấn lập kế hoạch: *(ghi rõ họ tên, học vị và chức vụ của đại diện đơn vị tư vấn tham dự họp).*

d) Đại biểu tham dự:...

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *(Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định).*

a) Ủy viên Thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp.

b) Chủ cơ sở (dự án) và đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu: *(ghi những nội dung chính được chủ dự án và đơn vị tư vấn trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung chính).*

c) Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với chủ dự án và đơn vị tư vấn về nội dung của kế hoạch: *(ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi)*.

d) Ý kiến nhận xét về kế hoạch của các thành viên hội đồng.

đ) Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có).

e) Ý kiến phản hồi của chủ cơ sở (dự án).

3. Kết luận phiên họp

a) Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng thẩm định: Được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó người chủ trì phiên họp kết luận theo các nội dung thẩm định kèm theo những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

b) Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định (nếu có).

c) Ý kiến của chủ dự án về kết luận của hội đồng.

d) Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

- Số phiếu thông qua kế hoạch không cần chỉnh sửa, bổ sung;
- Số phiếu thông qua kế hoạch với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;
- Số phiếu không thông qua kế hoạch.

4. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

Họ và tên

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú: Chủ tịch hội đồng và Thư ký hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

IV. Mẫu Thông báo kết quả thẩm định

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v thông báo kết quả thẩm
định kế hoạch ứng phó sự cố
tràn dầu của

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:.....

Căn cứ kết quả thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu,thông báo và đề nghị như sau:

1. Kết quả thẩm định:... (nêu rõ 01 trong 03 kết quả: a) thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; b) thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; c) không thông qua) kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án...(có bản sao Biên bản họp Hội đồng thẩm định được gửi kèm).

2. Đề nghị ...

- Trường hợp kết quả thẩm định thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung:
...thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án ... theo quy định.

- Trường hợp kết quả thẩm định thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: ... chỉnh sửa, bổ sung hoặc giải trình; hoàn thiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án ... theo nội dung biên bản họp hội đồng thẩm định và ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến theo quy định của pháp luật (nếu có). Hồ sơ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án ... sau khi chỉnh sửa, bổ sung, giải trình gửi về ... để được xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của dự án trong thời hạn tối đa ... ngày kể từ ngày có Văn bản thông báo kết quả thẩm định này, gồm:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định;

+ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đóng quyển gáy cứng, ... ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai kế hoạch kèm cả phụ lục kèm theo.

- Trường hợp kết quả thẩm định không thông qua: Cơ quan thẩm định nêu rõ lý do.

... thông báo để ... biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

-...;

- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,)

Họ và tên

(1) Tên đơn vị ban hành.

V. Mẫu Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật ...;

Căn cứ Nghị định số ...;

Căn cứ Quyết định số ...;

Xét Văn bản số... ngày... tháng... năm... của ... về kết quả thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của ...;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Điều khoản thi hành....., Giám đốc..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;

-...;

- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu/chữ ký số)

Họ và tên

(1) Tên đơn vị ban hành.